

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 27/7/2018

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hân; Ông Trịnh Văn Toán.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hòa, Cán bộ Tòa án.

Đại diện Việam kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Võ mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 184/2018/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2018 về Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1972

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Thôn Vệ X, xã Đức L, huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử anh Lê Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Đ năm 1995 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh cuộc sống ổn định khoảng 01 đến 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai phía. Trong công việc làm ăn anh nói chị Đ không nghe; Tính cách chị Đ và anh không phù hợp nhiều mặt; Chị Đ thích làm gì thì làm thích đi đâu thì đi không ai nói được; Anh chị lấy nhau đến nay đã hơn 20 năm nhưng thời gian chung sống không nhiều; Chị Đ khi thì đi Đài Loan hơn 01 năm; khi thì đi Nga 04 năm, việc chị ấy đi đâu, làm gì không bàn bạc gì với chồng con, đến khi đi mọi người tự biết, tự chấp nhận vì không ai nói chị ấy nghe. Gần 3 năm nay chị Đ về Việt Nam ở nhưng ở đâu làm gì không nói với ai. Do nói nhiều chị Đ không nghe nên từ lâu rồi anh cũng không nói năng gì với chị Đ vì có nói cũng bất đồng quan điểm rồi lại cãi vã. Đã nhiều năm nay anh chị ly thân nhau và thực sự cũng đã từ lâu anh chị sống không còn tình cảm không có sự tôn trọng lẫn nhau. Việc anh làm đơn cũng do chị Đ thúc anh làm. Về chuyện vợ chồng giữa anh và chị Đ đến giờ anh chị không còn chút tình cảm nào với nhau cả. Anh đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn;

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Xuân Trọng, sinh năm 1997 và Lê Thị Trà My, sinh năm 1999; Các con đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết

Phía chị Đ có lời khai trình bày: Chị xác định việc anh T trình bày về thời gian, hoàn cảnh kết hôn của hai vợ chồng là đúng sự thật. Sau lấy nhau anh chị luôn va chạm nhưng chỉ là cãi vã, va chạm bình thường; Đến 2010 thì mâu thuẫn vợ chồng càng tăng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế của gia đình. Làm ăn không gặp chị bị nợ nần nhiều, anh T và gia đình anh không hề hỗ trợ gì được tài chính cho chị mà tự chị phải lo toan tất cả. Có thể nói khi đó chị bị vỡ nợ nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Năm 2012 chị đi Nga lao động để trang trải nợ nần. Cuối 2016 chị về nước tiền lúc đó cũng không có vì thực tế chị đi Nga không được nhiều tiền mà lại còn phải trang trải nợ nần và lo nuôi con nên tiền chị không còn gì cả. Đến khi chị về nước anh T ở cùng chị nhưng xa cách không cho chị gần gũi với chồng. Cả hai sống cùng nhà nhưng không chuyện trò, không chia sẻ và cũng không hỏi han gì với nhau. Bản thân chị đến nay nợ nần vẫn chồng chất từ 2010 nhưng anh T vô tâm, vô trách nhiệm không gánh vác cùng chị mà giờ lại đòi ly hôn với chị. Quan điểm của chị tuy vợ chồng không còn yêu thương, anh T hết tình cảm với chị thì chị cũng không muốn níu kéo tuy nhiên quan điểm của chị là hiện tại chị còn nợ nên chị chưa muốn vợ chồng ly hôn bây giờ, chị muốn sau này khi chị trang trải nợ nần xong rồi chị sẽ đồng ý ly hôn với anh T;

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như anh T đã trình bày. Đến nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu giải quyết

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật;

Đề nghị về nội dung vụ án: Đại diện VKS nhân dân huyện Quế Võ đề nghị HĐXX áp dụng các điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội xử: Anh T được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết;

Tài sản chung, công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Hoàng Thị Đ kết hôn với nhau năm 1995 đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Anh chị đều xác định quan điểm sống của hai vợ chồng luôn bất đồng. Trong quá trình sinh sống việc chị Đ làm ăn thua lỗ khiến cho mâu thuẫn vợ chồng càng thêm căng thẳng. Anh T làm đơn xin ly hôn và chị Đ cũng xác nhận vợ chồng không còn tình cảm và chị cũng không hề có ý định níu kéo anh T tuy nhiên chị không muốn ly hôn với lý do hiện tại chị nợ nần nhiều chưa muốn ly hôn. Chị muốn khi nào trang trải xong nợ nần thì giải quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Đ thực sự đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, lý do không đồng ý ly hôn của chị Đ là không hợp lý nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị Đ là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung đến nay đều đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết;

Tài sản chung, công nợ: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 227, 239, 243, 247, 248, 249, 254, 264 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Lê Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị Đ.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết;

Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0002625 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Quế Võ;
- THADS huyện Quế Võ;
- UBND xã Đức L;
- Các đương sự.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ tọa phiên tòa

